

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN THÀNH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HSST

Ngày: 24-04-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vương Thị Hà

Các Hội thẩm dân nhân: Ông Nguyễn Đình Quế

Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Yến - Thư ký TAND huyện Thuận Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Toán Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 04 năm 2019 đối với bị cáo:

Sái Quốc T, sinh năm 1993; HKTT: Thôn Ng, xã S, huyện T, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sái Hồng V và bà Phan Thị Nh; Vợ: Hoàng Thu H; Có 02 con: con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/02/2019 đến nay; Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Thuận Thành; có mặt tại phiên toà.

Bị hại: Anh Hà Văn H, sinh năm 1997; trú tại: Thôn Ng, xã S, huyện T, tỉnh B. (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt);

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hà Thị L, sinh năm 1988; Trú tại: Số 5E, phố Ng, P T, TP B, tỉnh B (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt);

2. Chị Nguyễn Kim Th, sinh năm 1998; Trú tại: Tổ 5, quán T, phường G, quận L, TP H (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt);

3. Ông Hoàng Đình G, sinh năm 1964; Trú tại: thôn Đ, xã Th, huyện T, tỉnh B (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 17/11/2018, Anh Hà Văn H mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS màu đỏ - đen, biển kiểm soát 99T2-2708 của chị gái là Hà Thị L để đi ăn cỗ ở Tam Á, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh. Sau đó, anh H điều khiển xe đến đón bạn là Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1996 ở thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh B cùng đi. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, anh H điều khiển xe chở anh Đ đi về nhà theo đường quốc lộ 17. Khi đi đến gần cổng khu công nghiệp Khai Sơn thuộc xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành thì gặp Sái Quốc T là người cùng thôn và anh Phạm Đình V, sinh năm 1994 trú tại thôn T, xã G, huyện T đang đi bộ cùng nhau. T gọi anh H và bảo anh H chở T cùng V đi về, anh H đồng ý. Khi anh H chở anh Đ cùng T và V đi được 500m thì T nảy sinh ý định mượn xe của anh H để mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân nên T giả vờ bảo anh H cho T mượn chiếc xe để đi có việc và chở V về nhà, khoảng 30 phút sau sẽ quay lại trả xe. Anh H tin tưởng đã giao chiếc xe cho T mượn. Sau đó, T điều khiển xe chở V đi đến quán Internet ở phố Dâu, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành ngồi chơi điện tử. Anh H không thấy T mang xe về trả như đã hẹn nên đã điện thoại cho T thì T không nghe máy. Anh H thuê xe taxi đi về nhà thì T gọi điện thoại lại cho anh H và nói dối là T đã cầm cố xe. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì T không chơi điện tử nữa và lái xe chở V đi lang thang đến 8 giờ 30 phút ngày hôm sau thì T đưa V về nhà rồi T đi xe một mình quay lại quán điện tử ở phố Dâu tiếp tục ngồi chơi điện tử.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19/11/2018, T đi chiếc xe mô tô mượn của anh H đến cửa hàng điện thoại Mừng Trang ở thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành gặp anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1994 (là bạn của T) hỏi vay tiền và để lại chiếc xe mô tô làm tin, nhưng anh Th không đồng ý và dẫn T sang cửa hàng điện thoại bên cạnh gặp Chị Nguyễn Kim Th, anh Th bảo T là bạn của anh Th muốn vay số tiền 3.500.000đ, để lại chiếc xe mô tô làm tin, chị Th đã nhận chiếc xe làm tin và cho T vay 3.500.000đ, đồng thời chị Th yêu cầu T viết giấy bán xe.

Sau khi vay được tiền, T một mình tiêu xài cá nhân hết và không có khả năng chuộc lại xe nên T trốn tránh anh H để không phải trả lại xe. Do vậy, ngày

03/12/2018 anh H đã làm đơn trình báo Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 11/12/2018, khi T dẫn chị L đến gặp chị Th để chuộc xe thì bị lực lượng Công an huyện Thuận Thành phát hiện và bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 49 ngày 14/12/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thuận Thành xác định: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đỏ-đen, biển kiểm soát 99T2-2708, mua mới tháng 11/2010, tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá là 8.500.000đ.

Sau nhiều lần triệu tập T đến làm việc nhưng T cố tình không đến và trốn tránh khỏi địa phương, nên ngày 20/02/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Thành đã ra quyết định truy nã đối với T. Đến ngày 26/02/2019 T đã đến Công an huyện Thuận Thành đầu thú.

Từ những tình tiết nêu trên, Cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 23/03/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành truy tố Sái Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân như sau: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 17/11/2018, sau khi gặp Anh Hà Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đỏ-đen, biển kiểm soát 99T2-2708 tại khu công nghiệp Khai Sơn thuộc xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Sái Quốc T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của anh H nên đã hỏi mượn chiếc xe mô tô của anh H để đi có việc. Sau khi mượn được xe, T không mang trả xe như đã hẹn mà mang chiếc xe đến đặt làm tin cho Chị Nguyễn Kim Th để vay số tiền 3.500.000đ rồi tiêu sài cá nhân hết. Ngày 11/12/2018, T dẫn chị L là chủ xe đến gặp chị Th để chuộc xe thì bị Công an phát hiện, lập biên bản và thu giữ chiếc xe. Sau đó vì sợ nên T trốn khỏi địa phương đến ngày 26/02/2019 thì đến Công an huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh đầu thú. Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, T đã báo tin về gia đình nhờ trả giúp chị Th 3.500.000đ. T không bàn bạc và nói cho ai biết về hành vi chiếm đoạt chiếc xe của anh H.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là Ông Hoàng Đình G có mặt tại phiên tòa trình bày: ông là bố vợ của bị cáo T, sau khi nhận được lời nhắn của bị cáo, ông đã liên lạc với chị Th để trả số tiền 3.500.000đ nhưng không được nên đã đem nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành để trả cho chị Th. Số tiền này ông và bị cáo tự giải quyết, nên ông không có yêu cầu gì.

Bị hại là Anh Hà Văn H, người có quyền và nghĩa vụ liên quan là Chị Hà Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra và đơn xin xử vắng mặt xác nhận đã được Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe bị T chiếm đoạt, không có

yêu cầu bồi thường gì khác. Anh H, chị L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Kim Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra và đơn xin xét xử vắng mặt chị yêu cầu bị cáo T phải trả số tiền 3.500.000 đồng mà bị cáo T đã vay của chị, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã đưa ra những chứng cứ, lý lẽ, kết luận Sái Quốc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Sái Quốc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Sái Quốc T từ 06 đến 08 tháng tù.
- Không áp dụng hình phạt bổ sung.
- Áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo T phải trả Chị Nguyễn Kim Th số tiền 3.500.000đ. Xác nhận bị cáo T (do ông G nộp thay) đã nộp số tiền 3.500.000đ để trả cho chị Th tại Biên lai thu tiền số: AA/2014/0007806 ngày 24/04/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.

Bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ. Căn cứ vào kết luận định giá tài sản và các tài liệu trong hồ sơ có đủ cơ sở kết luận: Do có quan hệ quen biết nên vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 17/11/2018, tại khu công nghiệp Khai Sơn thuộc xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Sái Quốc T đã có hành vi gian dối giả vờ mượn 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đỏ-đen, biển kiểm soát 99T2-2708, trị giá 8.500.000đ (*Tám triệu năm trăm ngàn đồng*) của Anh Hà Văn H để đi có việc,

nhưng sau khi mượn được xe thì T đã mang chiếc xe đến đặt làm tin cho Chị Nguyễn Kim Th để vay số tiền 3.500.000đ tiêu xài cá nhân. Sái Quốc T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Việc truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành đối với Sái Quốc T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự nên cần xử lý nghiêm khắc để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Sái Quốc T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi biết mình bị truy nã, bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tác động đến gia đình để hoàn trả số tiền đã vay của chị Th; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của người phạm tội, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng trong quá trình điều tra bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương và bị truy nã nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng với bị cáo là phù hợp. T là đối tượng không nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với anh Phạm Đình V là người đi cùng T sau khi T mượn được chiếc xe của anh H. Đến nay, Cơ quan CSĐT huyện Thuận Thành đã nhiều lần gửi giấy triệu tập V lên làm việc nhưng V không có mặt tại địa phương. Đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Thành tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Văn Th là người dẫn T sang gặp chị Th để T vay tiền và để lại chiếc xe làm tin nhưng anh Th không biết chiếc xe đó là do phạm tội

mà có. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Thành không xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Chị Nguyễn Kim Th là người nhận chiếc xe của T để làm tin và cho T vay số tiền 3.500.000, khi nhận chiếc xe thì chị Th không biết chiếc xe đó là do phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Thành không đề cập xử lý mà lập biên bản giáo dục nhắc nhở chị Th là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về vật chứng vụ án: Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của anh H là chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đỏ-đen, biển kiểm soát 99T2-2708, Cơ quan CSĐT điều tra đã thu hồi và trả cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Người quản lý cũng như chủ sở hữu tài sản bị chiếm đoạt đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

Chị Nguyễn Kim Th là người cho bị cáo vay tiền và nhận chiếc xe làm tin. Chiếc xe chị Th đã giao nộp cho Cơ quan điều tra và chị Th yêu cầu bị cáo phải trả chị số tiền 3.500.000 đồng. Bị cáo T đồng ý hoàn trả số tiền cho chị Th. Xác nhận ông G đã nộp thay bị cáo 3.500.000đ tại Chi cục thi hành án.

Án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 136 và Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Sái Quốc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt Sái Quốc T 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/02/2019.

Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

2. Buộc bị cáo T phải trả lại cho Chị Nguyễn Kim Th số tiền 3.500.000đ. Xác nhận bị cáo T (do ông G nộp thay) đã nộp số tiền 3.500.000đ để trả cho chị Th tại Biên lai thu tiền số: AA/2014/0007806 ngày 24/04/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.

3. Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND, CCTHADS huyện Thuận Thành;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vương Thị Hà